

Bản án số: **31/2019/HNGĐ-ST.**

Ngày: 22/7/2019.

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Khởi.

2. Bà Lý Thị Miên Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai- Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 179/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03/5/2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 06 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2019/QĐST- HNGĐ, ngày 08/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị H

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ1, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông Trần Trọng N

Địa chỉ: Ấp Y, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị H trình bày:

- Về Quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Trọng N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B ngày 24/4/2012. Lúc đầu sống rất hạnh phúc, đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông N không lo làm ăn, tính tình khó khăn và không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã qua lại, đến ngày 18/5/2017 thì ông bà sống ly thân cho đến nay. Sau khi ly thân thì gia đình hai bên và ông bà không có gặp nhau để bàn bạc. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông N.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông bà có 01 con chung là cháu Trần Trọng T, sinh ngày 09/9/2012, hiện nay cháu sống chung với ông N. Nếu ly hôn, bà đồng ý giao cháu T cho ông N nuôi dưỡng và bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Trần Trọng N: Kể từ khi thụ lý, ông N không trả lời Thông báo thụ lý của Tòa án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa, đồng thời không có ý kiến gì.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư Ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt không lý do; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; giao cháu T cho ông N nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, bà H không phải cấp dưỡng cho cháu T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Trọng N là bị đơn trong vụ án không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Trọng N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị H và ông Trần Trọng N tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện năm 2012, không ai bị ép buộc và ông bà có đăng ký kết hôn đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình, nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống do ông N không lo làm ăn, tính tình khó khăn và cũng không đồng ý cách ăn mặc của H và sinh hoạt trong cuộc sống, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã qua lại và kể từ ngày 18/5/2017 thì ông bà sống ly thân cho đến nay. Sau khi ly thân thì gia đình hai bên và ông bà không có gặp nhau để bàn bạc cũng như sau khi Tòa án đã thụ lý có mời hai bên đến hòa giải nhiều lần và có thời gian để hai ông bà tìm biện pháp để ông bà hàn gắn lại, nhưng đến thời điểm này cả hai người cũng không có một biện pháp nào để hàn

gắn tình cảm vợ chồng. Tại tòa hôm nay, bà H kiên quyết ly hôn với ông N và tại biên bản xác minh ngày 04/6/2019 bà Bùi Thị T1 là mẹ ruột của ông N khai “N và H ly thân nhau từ tháng 5/2017, nguyên nhân là do N không đồng ý cách ăn mặc của H và sinh hoạt trong cuộc sống, nên vợ chồng thường cãi vã qua lại” và cũng không có biện pháp để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà thực sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho bà Lâm Thị H được ly hôn với ông Trần Trọng N.

[3] Về con chung: Theo giấy khai sinh thì trong thời gian sống chung, ông bà có 01 con chung là Trần Trọng T, sinh ngày 09/9/2012, hiện nay cháu sống chung với ông N. Nếu ly hôn, bà H đồng ý giao cháu T cho ông N nuôi dưỡng và bà không phải cấp dưỡng nuôi con. **Xét thấy**, sau khi ly thân từ tháng 05/2017 đến nay thì ông N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T; bà H ít đến thăm nom cháu T và cũng không lo lắng cho cháu T theo lời khai của bà T1. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu T cho ông N nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị định án phí, lệ phí Tòa án, bà Lâm Thị H chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và giao con chung cho ông N nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 của Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lâm Thị H được ly hôn với ông Trần Trọng N.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Trọng T, sinh ngày 09/9/2012 cho ông Trần Trọng N **trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên; bà Lâm Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.**

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà H không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lâm Thị H chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008516, ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Ông Trần Trọng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trần Trọng N vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các bên đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Phụng